

Số: 22/KH-THTK

Quang Hưng, ngày 09 tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số**  
**Năm học 2025-2026**

Thực hiện Kế hoạch hành động số 15-KH-TU ngày 28/8/2025 của Tỉnh uỷ Ninh Bình về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc chuyển đổi số của tỉnh Ninh Bình năm 2025; Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 19/9/2025 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục và đào tạo năm 2025;

Thực hiện Công văn số 1902/SGDĐT-CTHSSV ngày 09/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (CNTT, CDS) năm học 2025-2026

Căn cứ vào Hướng dẫn của Phòng Văn hoá – xã hội xã Quang Hưng và tình hình thực tế của nhà trường, Trường Tiểu học Trực Khang xây dựng kế hoạch Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026 cụ thể như sau:<sup>1</sup>

**I. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC**

**1. Mục tiêu ứng dụng CNTT, chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục**

**1.1. Mục tiêu chung**

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động sức mạnh tổng thể, giúp quá trình triển khai được thuận lợi, đồng bộ.

<sup>1</sup>

- Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT & TT trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh, góp phần xây dựng nhà trường, ngành Giáo dục và Đào tạo hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng kinh tế số.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Thực hiện triển khai hệ thống thông tin quản lý Giáo dục, bao gồm: cơ sở dữ liệu kết nối, liên thông hệ thống thông tin các trường và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục. Đến năm 2026, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị (từ quản lý học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý đến quá trình học tập, thời khóa biểu, cơ sở vật chất, thu học phí không dùng tiền mặt,...) đồng bộ với hệ thống dữ liệu của Ngành.

- Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho trường theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2026 trường khai thác hiệu quả các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet; 100 % học sinh của trường được tiếp cận internet và kho học liệu trực tuyến; hoàn thành việc xây dựng công thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống dạy - học trực tuyến.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy – học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến), kiểm tra - đánh giá. Đến năm 2026, trang thông tin điện tử của trường cung cấp đầy đủ thông tin (cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ,...) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tập trung chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử, công dịch vụ công và một cửa điện tử, thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4; xây dựng nền quản lý giáo dục thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

## **2. Các nguyên tắc định hướng trong việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục**

### **2.1. Nguyên tắc chung**

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chính quyền điện tử, chính phủ số và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và của Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chú trọng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ và các công nghệ giáo dục thông minh,... góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dạy – học, tạo điều kiện tốt nhất để người dân học tập mọi lúc, mọi nơi.

- Góp phần xây dựng hệ thống Giáo dục và Đào tạo hiện đại nhằm cùng tỉnh thực hiện thành công Chương trình chuyển đổi số.

## **2.2. Nguyên tắc về công nghệ**

- Tận dụng tối đa các công nghệ hiện đại trên nguyên tắc bảo đảm tính trung lập về kỹ thuật công nghệ, ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn mở, công nghệ mở, mã nguồn mở.

- Công nghệ đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao; đảm bảo về mặt tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai từng giai đoạn để đảm bảo giáo viên trong đơn vị, phụ huynh và học sinh thích ứng với thay đổi.

- Có các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin đầy đủ cho các thành phần trong mô hình giáo dục thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục theo lộ trình phù hợp.

## **2.3. Nguyên tắc về dữ liệu**

- Dữ liệu là nền tảng quyết định trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng giáo dục thông minh. Dữ liệu cần được kế thừa, phát triển và lưu trữ lâu dài, là tài nguyên cốt lõi để triển khai chuyển đổi số. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý cơ sở dữ liệu.

- Dữ liệu hình thành trong hoạt động của Ngành Giáo dục và Đào tạo là tài sản của Ngành và của tỉnh; được quản lý bởi Ngành Giáo dục và Đào tạo, được chia sẻ dùng chung nhằm phục vụ các hoạt động của Ngành cũng như của cơ quan nhà nước hướng đến việc phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh, người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Dữ liệu tuân thủ các tiêu chuẩn mở, đảm bảo tính đồng bộ vận hành, tránh đầu tư trùng lặp. Tất cả các dự án mới phải nghiên cứu khả năng chia sẻ và mở rộng trên nền tảng hạ tầng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng hiện hữu.

- Đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao: tuân thủ phương châm tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai theo từng giai đoạn để đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh, người dân, doanh nghiệp và chính quyền có thời gian thích ứng thay đổi.

#### **2.4. Huy động mọi nguồn lực**

- Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục cần huy động mọi nguồn lực trong đó nguồn lực từ Ngành Giáo dục và Đào tạo là then chốt, là quyết định và nguồn lực xã hội hóa là động lực.

- Luôn tạo cơ hội để khuyến khích hợp tác sáng tạo; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách và hành lang pháp lý để triển khai các mô hình cộng tác để cùng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số giáo dục.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Nhiệm vụ**

**1.1. Nâng cao nhận thức, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn ngành giáo dục và đào tạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Tổ chức đẩy mạnh, đa dạng công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học về vị trí, vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong năm 2025, tạo đột phá, tiền đề cho giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

- Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; triển khai bộ tiêu chí đánh giá, quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm tại đơn vị.

- Xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc thi, sự kiện về khoa học kỹ thuật, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phấn đấu 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kiến thức cơ bản về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “Học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học. Triển khai sâu rộng, có hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" trong toàn ngành; phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh mở các lớp nâng cao nhận thức, kỹ năng của nhân dân trên địa bàn tỉnh về làm việc trên môi trường số.

- Phát động phong trào thi đua viết sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong các cơ sở giáo dục và trong toàn ngành để thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số quốc gia. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

## **1.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách**

- Rà soát, xây dựng và ban hành các văn bản quy định, triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quy định về cơ sở dữ liệu (CSDL) trong ngành Giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; quy định về đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường.

- Nghiên cứu triển khai các quy định về hoạt động trên môi trường số trong nhà trường bảo đảm tính liên thông và thuận tiện cho phụ huynh và học sinh; các quy định về giao dịch điện tử, chữ ký số, thanh toán điện tử và các hoạt động khác trên môi trường số để sửa đổi, bổ sung kịp thời, thống nhất. Đặc biệt chú trọng các quy định về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu, đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về an ninh mạng, thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu và các quy định pháp luật khác đối với các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), CSDL, các phần mềm, ứng dụng, hệ thống trang thiết bị đang triển khai tại đơn vị như: các hệ thống mạng; các phòng học và trang thiết bị về CNTT; công thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điều hành; phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm quản lý, quản trị nhà trường; phần mềm học bạ số; các hệ thống CSDL và các hệ thống phần mềm khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá chuyển đổi số ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học; tổ chức đánh giá, xếp hạng và công bố mức độ chuyển đổi số của nhà trường, đánh giá xếp loại người đứng đầu cơ sở giáo dục về tiêu chí triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị về kết quả thực hiện chuyển đổi số; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

## **1.3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng và đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số**

- Rà soát và tham mưu các cấp chính quyền về mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp phần mềm, trang thiết bị, các điều kiện về hạ tầng số đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục: đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây; đảm bảo Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet, các Phòng học bộ môn, phòng học đa năng có ứng dụng CNTT, phòng studio sản xuất học liệu điện tử; đảm bảo các phòng học (phòng máy tính) đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học; đảm bảo các thiết bị CNTT phục vụ quản lý điều hành và các giải pháp và thiết bị kỹ thuật khác phục vụ việc tổ chức dạy, học và quản lý, quản trị tại nhà trường.

- Việc đầu tư, duy trì, vận hành hạ tầng, trang thiết bị CNTT cần bám sát nhu cầu sử dụng và đảm bảo hiệu quả đầu tư (đầu tư một lần có thể duy trì hoạt động của hệ thống liên tục) và yêu cầu 100% các hệ thống ứng dụng CNTT trong đơn vị đều ban hành được quy chế quy định về quản lý, khai thác, sử dụng, có phân công cụ thể trách nhiệm quản lý, giám sát, vận hành đối với từng thành viên sử dụng.

- Rà soát công tác bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và triển khai áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết đối với các hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm thuộc phạm vi quản lý; thực hiện rà soát nhằm bảo đảm nguyên tắc dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị phải thuộc quyền quản lý, kiểm soát của đơn vị.

Đối với việc quản lý, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm trong đơn vị: Quy định rõ trách nhiệm về bảo vệ tài khoản, an toàn thông tin mạng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân; đặc biệt quan tâm tới quản lý tài khoản truy cập: không dùng chung tài khoản, đặt mật khẩu có độ phức tạp cần thiết, thường xuyên phải thay đổi mật khẩu sử dụng.

- Đối với việc quản lý, sử dụng máy tính và các trang thiết bị CNTT khác cần cài đặt các phần mềm có bản quyền, cài đặt và thường xuyên cập nhật phiên bản mới nhất, thường xuyên sử dụng phần mềm diệt virus để kiểm tra máy tính, cảnh giác và kiểm tra các tệp tin, các đường link gửi qua thư điện tử, từ tài

khảo mạng không rõ nguồn gốc và tải trên mạng về trước khi kích hoạt, sử dụng; tắt chế độ tự động mở, chạy các tập tin đính kèm theo thư điện tử, bật các tính năng của thiết bị tường lửa, thường xuyên sao lưu các dữ liệu cần thiết và các biện pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các thiết bị, giải pháp kỹ thuật, dịch vụ CNTT, các hệ thống CNTT, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy-học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây.

#### **1.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số**

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho toàn bộ CBQL, GV, NV nhà trường đảm bảo đến hết năm 2025, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đào tạo các kỹ năng số cơ bản, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số. Chú trọng đào tạo các kỹ năng về thu thập, khai thác, phân tích dữ liệu và năng lực tham mưu, dẫn dắt chuyển đổi số trong phạm vi quản lý.

- Xây dựng, kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, nhân viên nhà trường kiến thức về ứng dụng CNTT, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số để làm việc hiệu quả trên môi trường số.

- Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM) ; đưa nội dung tích hợp kỹ năng số và công dân số, an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

#### **1.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy và học**

- a) Đổi mới trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

- Xây dựng và triển khai kho học liệu số dùng chung trong nhà

trường gồm dữ liệu về tài liệu, kế hoạch bài dạy, các bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng, câu hỏi trực tuyến và các học liệu khác. Xây dựng, triển khai kho học liệu số - thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; kết nối liên thông với kho học liệu số dùng chung trong toàn ngành giáo dục.

- Nhà trường triển khai hệ thống dạy học trực tuyến (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)) với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến đảm bảo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong nhà trường, tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm soát được các học liệu dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý và lưu trữ hồ sơ; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông.

#### b) Đổi mới trong quản trị, quản lý, điều hành

- Tiếp tục triển khai hệ thống CSDL, hệ thống thông tin quản lý nhà trường, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ nhà trường đến Sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục; Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Nhà trường triển khai các phần mềm, nền tảng quản trị nhà trường trên môi trường số nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho

cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục tới hệ thống CSDL của ngành giáo dục.

- Nhà trường triển khai Học bạ số, đáp ứng các yêu cầu về Học bạ số, cung cấp quy trình, thủ tục quản lý, sử dụng học bạ của học sinh đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, quy trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục triển khai sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử; Quản lý hồ sơ sổ sách giáo dục; Dịch vụ, ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký điện tử, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục.

- Thực hiện số hóa các văn bản, tài liệu của ngành giáo dục, các đối tượng, các quy trình trong quản trị và quản lý cơ sở giáo dục. Ứng dụng công nghệ internet vạn vật (IoT) trong số hoá, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

#### **1.6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường**

- Tổ chức các cuộc thi về CNTT, chuyển đổi số nhằm khuyến khích việc nghiên cứu, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong ngành. Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các cá nhân có thành tích trong ứng dụng CNTT và chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục.

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày hội Đổi mới sáng tạo Quốc gia vào ngày 01/10, Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10/10 hàng năm. Tham gia các cuộc thi, hội thi về CNTT và chuyển đổi số do Bộ GDĐT và Sở GDĐT tổ chức, phát động.

#### **1.7. Phát triển nguồn nhân lực**

- Tham gia các lớp đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công

nghệ số về dữ liệu lớn, di động,... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục. Bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ vận hành, khai thác dữ liệu trong việc vận hành và triển khai các ứng dụng CNTT trong giáo dục.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT & TT cho giáo viên và cán bộ quản lý qua các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên.

## **2. Giải pháp**

### **2.1. Góp phần xây dựng hệ sinh thái số Ngành Giáo dục và Đào tạo**

Từng bước xây dựng hệ sinh thái số bao gồm 3 nhóm chính:

- Nhóm 1: thu thập dữ liệu các hệ thống, phần mềm, hệ thống phần mềm có chức năng tạo ra dữ liệu tại cơ sở: như phần mềm quản lý trường học, các phân hệ: học sinh, thời khóa biểu, thư viện, thiết bị, tuyển sinh.

- Nhóm 2: tích hợp và lưu trữ cơ sở dữ liệu dùng chung, được Phòng Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý và vận hành.

- Nhóm 3: khai thác và chuẩn hóa dữ liệu bao gồm các phần mềm, hệ thống phần mềm từ nhóm 1 thu thập để làm nền tảng định danh. Bao gồm: hệ thống hợp trực tuyến, hệ thống báo cáo chuyên môn, thống kê, hệ thống học tập, ôn tập trực tuyến, các phần mềm liên lạc giữa phụ huynh và nhà trường,... thông qua việc sử dụng những dữ liệu thu thập được vào hoạt động thường xuyên, liên tục được rà soát và lưu giữ trạng thái dữ liệu.

Trên cơ sở các nhóm trên, xuất ra các chức năng: báo cáo, thống kê, phân tích, hợp trực tuyến, quản lý dạy – học trực tuyến, tuyển sinh trực tuyến,...

- Triển khai kế thừa và đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành, quản lý điểm, học bạ điện tử, phần mềm quản lý dạy – học, kho học liệu điện tử.

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT & TT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, Phát triển kết nối thông tin điện tử, xác thực điện tử, trường học điện tử, quản lý hồ sơ học vụ điện tử ở đơn vị.

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý ở cơ sở giáo dục, triển khai hệ thống bản đồ (GIS giáo dục), hỗ trợ người dân tìm kiếm thông tin về các đơn vị, cơ sở giáo dục, từng bước thực hiện công tác quy hoạch mạng lưới

trường lớp giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030 trên không gian bản đồ giáo dục.

## **2.2. Phát triển Chính quyền số trong ngành Giáo dục và Đào tạo**

Đẩy mạnh phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin giáo dục trên các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội, cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động toàn diện công tác chỉ đạo, điều hành của trường và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng. Các hệ thống trên bao gồm:

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT & TT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử, triển khai hệ thống chữ ký số, chữ ký điện tử.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Số hóa các văn bản, tài liệu của trường.

## **2.3 Đẩy mạnh triển khai trường học thông minh – trường học không tiền mặt**

- Triển khai “phân hệ quản lý trực tuyến các nguồn thu” tại trường học nhằm liên thông dữ liệu, hỗ trợ phụ huynh, học sinh thanh toán các dịch vụ không dùng tiền mặt. Phối hợp ngân hàng, có cơ quan liên quan triển khai các giải pháp thu học phí không dùng tiền mặt thân thiện với người dùng trên internet, thiết bị di động và các sản phẩm dịch vụ thanh toán tiện ích của ngân hàng.

- Tiếp tục đẩy mạnh giải pháp thanh toán qua mã Qrcode của ngân hàng.

## **2.4. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống thư viện tiên tiến, hiện đại**

- Số hóa và xây dựng hệ thống dữ liệu thư viện tiên tiến, hiện đại, hỗ trợ giáo viên và học sinh chủ động về phương thức tìm kiếm thông tin, dữ liệu học tập nghiên cứu, dễ dàng truy cập từ xa. Tối ưu hóa việc lưu trữ, bảo quản, khai thác và giao lưu thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ trong thư viện nhà trường hiện nay.

- Phối hợp hoạt động giảng dạy của giáo viên với việc tự học, tự nghiên cứu của học sinh, trao đổi các dữ liệu giảng dạy trong và ngoài nhà trường, giáo viên và các nhà quản lý giáo dục cũng có thể hỗ trợ chia sẻ nguồn tư liệu, tài liệu khoa học, tài liệu giảng dạy qua đó góp phần chuyển đổi số trong hoạt động của thư viện, hình thành thư viện tiên tiến, hiện đại cho trường.

### **2.5. Xây dựng nền tảng số nâng cao hiệu quả dạy – học trực tuyến**

- Tập trung triển khai các nền tảng số để cung cấp các hình thức dạy học trực tuyến (e-learning), dạy học từ xa cụ thể: Xây dựng nền tảng quản lý đào tạo trực tuyến (Learning Management System - LMS ) nhằm quản trị, giám sát, báo cáo và phân phối các chương trình đào tạo, học tập đồng bộ và hiệu quả. Số hóa học liệu (hay học liệu điện tử ) bao gồm: bài giảng dạy trên truyền hình, giáo án, bài trình chiếu (dưới dạng power point và các định dạng khác), sách giáo khoa phổ thông, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bảng dữ liệu, các tập âm thanh, hình ảnh, video, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu số hóa khác như: tranh, ảnh, biểu đồ, hình vẽ,... nhằm hình thành kho học liệu số (kho học liệu điện tử).

### **2.6. Xây dựng các cơ sở dữ liệu giáo dục chuyên ngành giáo dục**

Tập trung chuyển đổi số trên cơ sở xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành trên nguyên tắc kế thừa đối với các CSDL đã hình thành đồng thời phát triển CSDL mới nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của ngành Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- CSDL chuyên ngành tổ chức cán bộ: quản lý nhân sự, quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên; tuyển dụng.
- CSDL về công tác đánh giá công tác thi đua – khen thưởng.
- CSDL về công tác kiểm định chất lượng giáo dục.
- CSDL về quản lý văn bằng, chứng chỉ.
- CSDL về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
- CSDL quản lý trang thiết bị giáo dục (cơ sở vật chất)
- CSDL quản lý lương.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của trường năm học 2025-2026, định hướng đến năm 2030.

Phân công các thành viên phụ trách triển khai, thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường và triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh.

## 2. Các thành viên phụ trách

Tham mưu và giúp Hiệu trưởng chỉ đạo và đôn đốc triển khai, tổng hợp báo cáo gửi về Sở GDĐT khi có yêu cầu.

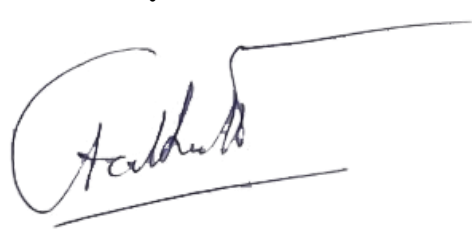
Thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, phụ huynh về vai trò của Chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch triển Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của Trường Tiểu học Trục Khang năm học 2025-2026, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu các bộ phận và cá nhân nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về bộ phận phụ trách.

### *Nơi nhận:*

- Phòng VH-XH (để b/cáo);
- Tô trường CM (để thực hiện);
- GV
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



Ký bởi: Đặng Văn Hùng  
Thời gian ký: 09/10/2025 08:29:26